

Số: 245/BC-UBND

Hương Hóa, ngày 27 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 và Dự án 2 thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 868/LĐTĐBXH -TE&BDG ngày 19/5/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 2361/QĐ-TTg và Dự án 2 thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện Hương Hóa báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện của Quyết định 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 và Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện 02 Quyết định

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020; Thực hiện Kế hoạch số 4158/KH-UBND ngày 10/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020, UBND huyện Hương Hóa đã ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 25/10/2016 về thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 5096/KH-UBND ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND huyện Hương Hóa đã ban hành Kế hoạch số 151/KH-UBND, ngày 05/12/2017 của UBND huyện Hương Hóa về thực hiện Chương trình thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn.

Hàng năm, căn cứ các văn bản chỉ đạo cấp tỉnh, UBND huyện đã ban hành và triển khai các Công văn hướng dẫn công tác trẻ em hàng năm và các kế hoạch Tháng hành động vì trẻ em; Tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6; Tổ chức Tết Trung thu; Diễn đàn trẻ em; Hội thi...

2. Đánh giá việc triển khai, thực hiện các nội dung thuộc 02 Quyết định

2.1. Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em cho chính quyền các cấp, các tổ chức, gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và bản thân trẻ em.

Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền và ngành chức năng trên địa bàn huyện luôn quan tâm triển khai nhiều hoạt động thiết thực, tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện, bình đẳng về cơ hội cho mọi trẻ em. Tạo điều kiện tốt nhất để trẻ em được phát triển toàn diện, hài hòa về sức khỏe, trí tuệ, đạo đức, văn hóa, tinh thần; đồng thời tăng cường bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em cho cộng đồng, gia đình và chính bản thân các em. Tổ chức các sự kiện truyền thông, vận động xã hội tham gia thực hiện quyền của trẻ em, như: Tháng hành động vì trẻ em, Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường, ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6, Ngày vi chất dinh dưỡng trẻ em, tham gia Diễn đàn trẻ em huyện, tỉnh, quốc gia và các sự kiện văn hóa, thể thao. Hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em và thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em. Toàn huyện tổ chức 60 điểm phát động, 13.758 em tham dự; tổ chức 749 cuộc triển khai, tập huấn, tuyên truyền với hơn 22.470 trẻ em tham dự.

Thực hiện Kế hoạch số 248/KH-UBND huyện ngày 28/5/2018 của UBND huyện Hương Hóa về việc triển khai thực hiện Tháng hành động vì trẻ em, Ban Điều hành bảo vệ trẻ em xây dựng Kế hoạch số 249/KH-BĐH ngày 28/5/2018 về tổ chức Hội thi “Tìm hiểu Luật Trẻ em” năm 2018 huyện Hương Hóa với 22 đội/220 em/22 xã, thị trấn, huy động hơn 400 em tham gia cổ vũ. Qua việc tổ chức Hội thi đã góp phần nâng cao kiến thức và kỹ năng truyền thông về Công ước Quốc tế Quyền trẻ em, Luật Trẻ em và các văn bản liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em... từ đó tăng cường sự tham gia của trẻ em trong việc tự bảo vệ và thực hiện quyền của mình.

Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến pháp luật, chính sách của Đảng và nhà nước liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nhằm góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ trẻ em, ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em bị bạo lực, xâm hại.

2.2. Củng cố hệ thống tổ chức, nhân lực và nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban điều hành BVTE huyện, Ban BVTE cấp xã, nhóm cộng tác viên bảo vệ trẻ em, nhóm trẻ em nòng cốt, câu lạc bộ thủ lĩnh; củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ

em các cấp, đặc biệt là cấp xã, thị trấn; xây dựng và thực hiện đề án phát triển đội ngũ cộng tác viên ở cơ sở đáp ứng nhu cầu của công tác bảo vệ trẻ em. Hiện tại, trên địa bàn huyện đã thành lập 01 Ban Điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện; 21/21 xã, thị trấn thành lập và kiện toàn ban BVTE cấp xã, 149 cộng tác viên thôn bản. Định kỳ hàng quý, Ban BVTE các cấp đều tổ chức họp giao ban. Hàng năm tranh thủ nguồn kinh phí tài trợ từ các Tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn huyện, tiến hành tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho các bộ chuyên trách công tác lao động, thương binh và xã hội, hệ thống công tác viên thôn bản. Đã tổ chức 26 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho hệ thống BVTE cấp cơ sở (trong đó 16 lớp tại huyện và 10 lớp tại địa bàn xã), với hơn 525 lượt học viên tham gia, đối tượng tham gia là Ban bảo vệ trẻ em cấp xã (Lãnh đạo ban BVTE xã, cán bộ chuyên trách công tác chăm sóc bảo vệ trẻ em xã, Hội Phụ nữ, cán bộ Đoàn Thanh niên, cán bộ Tư pháp...), giáo viên, công tác viên thôn/bản, phụ huynh và trẻ em nông cốt.

Đến nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng 21 mô hình bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng và 09 mô hình phòng chống kết hôn trẻ em với các hoạt động được triển khai như: truyền thông, tập huấn, diễn đàn, hội thi... Tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, thành viên ban điều hành, ban BVTE, nhóm cộng tác viên bảo vệ trẻ em các cấp.

2.3. Xây dựng các mô hình Câu lạc bộ trẻ em

Duy trì hoạt động 52 nhóm trẻ nông cốt với 1.210 trẻ; thành lập 19 câu lạc bộ thủ lĩnh có 475 thành viên ở cộng đồng thôn, bản. Thông qua sinh hoạt nhóm nông cốt, câu lạc bộ thủ lĩnh đã nâng cao nhận thức của trẻ em và người lớn về Quyền trẻ em, về Bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới. Trẻ em có kiến thức, kỹ năng và khả năng tự bảo vệ mình trước các hành vi bạo lực giới như kết hôn trẻ em, xâm hại, quấy rối tình dục, bắt nạt học đường, đồng thời góp phần tham gia tạo dựng trường học, cộng đồng an toàn, bình đẳng và thân thiện.

Sau khi được thành lập, các em được tập huấn về các nội dung và kỹ năng điều hành sinh hoạt câu lạc bộ. Hàng tháng các câu lạc bộ tổ chức sinh hoạt với các chủ đề về quyền trẻ em, phòng chống kết hôn trẻ em, sức khỏe sinh sản vị thành niên với sự tham gia đông đảo của các trẻ em, đặc biệt là các trẻ em gái. Trẻ em tham gia các câu lạc bộ được nâng cao nhận thức, hiểu biết về quyền trẻ em, quyền tham gia của trẻ em; nâng cao năng lực và sự tự tin cho trẻ em, đồng thời tăng cường công tác truyền thông với trẻ em.

2.4. Công tác bảo vệ trẻ em ở 3 cấp độ

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng LĐ-TB&XH thực hiện tốt mô hình bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng và công tác bảo vệ trẻ em ở 3 cấp độ (Phòng ngừa, can thiệp và trợ giúp) và ban hành các văn bản chỉ đạo.

UBND huyện đã chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn thống kê tình hình trẻ em bị xâm hại và lập hồ sơ theo Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 05/9/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em để được can thiệp, hỗ trợ. Trong giai đoạn 2016-2020, trên địa bàn huyện đã xảy ra 02 vụ xâm hại tình dục đối với trẻ em sau khi biết được sự việc, cộng tác viên thôn đã báo cáo nhanh cho Ban BVTE cấp xã, các thành viên trong ban đã đến động viên tinh thần và khám cho em, báo cáo sự việc lên Công an huyện. UBND xã đã xây dựng kế hoạch hỗ trợ can thiệp 02 trường hợp theo Nghị định 56/2017/NĐ-CP.

Tăng cường công tác truyền thông, vận động, phổ biến pháp luật, chính sách của Đảng và nhà nước liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em với nội dung và hình thức phù hợp với từng khu vực, từng địa phương và từng nhóm đối tượng nhằm góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ trẻ em, ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục.

2.5. Xây dựng và hoàn thiện dữ liệu về trẻ em (Dự án 2 thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)

Thực hiện Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, giai đoạn 2016 - 2020, Kế hoạch số 5096/KH-UBND, ngày 12/10/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Từ năm 2016 đến nay, UBND huyện đã tổ chức 03 lớp tập huấn hướng dẫn cán bộ LĐTBXH các xã, thị trấn tiến hành khảo sát, thu thập thông tin trẻ em mới phát sinh; theo dõi, đánh giá việc thực hiện Luật trẻ em, pháp luật, chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em.

Trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu đã được chuẩn hóa theo Luật trẻ em, định kỳ hàng năm rà soát, thu thập thông tin, số liệu về trẻ em; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em bị xâm hại, bạo lực; trẻ em tảo hôn và cập nhật bổ sung thông tin về trẻ em vào phần mềm quản lý trẻ em cấp xã, thị trấn.

Hệ thống quản lý dữ liệu trẻ em đã được cập nhật và hoàn thiện, giúp các cấp kết xuất báo cáo tình hình trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hàng năm.

2.6. Theo dõi, kiểm tra, giám sát Chương trình

Hàng năm, UBND huyện giao cơ quan thường trực Phòng LĐ-TB&XH tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động chương trình bảo vệ trẻ em theo kế hoạch.

Kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách ở các xã, thị trấn trong việc thu thập, cập nhật thông tin về trẻ em. Theo dõi, đánh giá và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý về trẻ em.

Báo cáo tình hình thực hiện kết quả thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em em theo định kỳ, hàng năm theo đúng quy định của cấp trên.

II. Đánh giá tình hình thực hiện

Nhằm đảm bảo cho mọi trẻ em được bảo vệ, được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, giảm nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, chú trọng bảo vệ trẻ em để không bị xâm hại; kịp thời can thiệp, trợ giúp trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em bị xâm hại; giảm số trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển. UBND huyện đã xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch về trẻ em thông qua các hình thức: Diễn đàn, hội thảo, hội thi; truyền thông, tập huấn và hoạt động của câu lạc bộ, nhóm của trẻ em... tạo điều kiện cho trẻ em được tham gia và được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề liên quan đến trẻ em.

Các phòng, ban, ngành, đoàn thể và UBND các xã, thị trấn luôn phát huy vai trò chủ động phối hợp trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về trẻ em, quan tâm giúp đỡ các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; hỗ trợ, can thiệp kịp thời các trường hợp trẻ em bị xâm hại.

Đến nay, 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi, được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; 100% số trẻ em bị xâm hại khi phát hiện được can thiệp kịp thời, được chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ tâm lý để phát triển và hòa nhập cộng đồng (*có phụ lục số 01, 02 kèm theo*).

III. Những hạn chế và nguyên nhân

1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm còn tồn tại một số hạn chế, cụ thể:

- Tình trạng kết hôn trẻ em vẫn tiếp tục diễn ra, đến cuối năm 2018 trên địa bàn huyện có 120 trường hợp, trong đó tập trung chủ yếu các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn như xã Thanh, Ba Tầng, A Túc, Hướng Phùng, xã Xy, Ba Tầng...

- Công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của người dân chưa cao, việc nắm bắt thông tin còn hạn chế.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em ở một số địa phương chưa được cấp ủy, chính quyền quan tâm.

- Số trẻ em sống trong gia đình nghèo còn nhiều, tình trạng trẻ em bỏ học, trẻ tảo hôn vẫn còn diễn ra khá phức tạp.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền ở các xã còn lúng túng trong lãnh, chỉ đạo xây dựng phong trào toàn xã hội, chưa phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng để giải quyết tốt những vấn đề về trẻ em.

- Hầu hết các xã, thị trấn chưa có khu vui chơi, giải trí dành cho trẻ em.

2. Nguyên nhân

- Nhiều hủ tục lạc hậu vẫn còn tồn tại trong một số cộng đồng người đồng bào dân tộc thiểu số, bên cạnh đó nhiều phong tục đã bị biến tướng và lợi dụng (tục đi Sim, tục bỏ của xóm,...)

- Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em còn chưa thường xuyên, thiếu chiều sâu. Sự tham gia của các đoàn thể ở nhiều nơi còn mang tính hình thức; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, các đoàn thể và xã hội còn thiếu chặt chẽ.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ về tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em; chưa dành sự quan tâm lãnh, chỉ đạo đúng mức cho công tác này.

- Chưa quy hoạch, đầu tư cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em. Nguồn kinh phí đầu tư cho công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em còn hạn chế.

- Chưa có sự quan tâm đúng mức đối với đội ngũ công tác viên thôn, bản làm công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em.

IV. Kiến nghị và đề xuất

Trên cơ sở kết quả đạt được, những khó khăn, bất cập trong việc thực hiện Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 - 2020 và tình hình thực tiễn của địa phương, đề xuất các mục tiêu, nội dung, hoạt động, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng của công tác bảo vệ trẻ em giai đoạn 2021-2025. Đề nghị UBND tỉnh, Sở Lao động - TB&XH:

- Tiếp tục tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trẻ em các cấp.

- Phân bổ ngân sách xây dựng khu vui chơi giải trí cho trẻ em và cho hoạt động cho công tác bảo vệ trẻ em.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 2361/QĐ-TTg ngày 22/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016-2020 và Dự án 2 thuộc Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Hương Hóa./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng LĐ-TB&XH;
- UBND các xã, thị trấn;
- C, PCVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

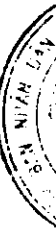


Phạm Trọng Hồ

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện)

TT	Chỉ tiêu, hoạt động	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước thực hiện 2020	Tổng
I	Truyền thông giáo dục và vận động xã hội							
1	Số lượng các Chương trình phát thanh, truyền hình	chương trình	1	1	1	1	1	
2	Số lượng các chuyên trang, chuyên mục trên các báo	Chuyên mục						
3	Số lượng các ấn phẩm truyền thông được sản xuất, nhân bản	đầu sản phẩm						
4	Số lượng các cuộc thi, hội trại được tổ chức	cuộc thi	0	2	1	2	1	
5	Hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động xã hội tại cộng đồng							
5.1	Số lượt phát thanh tại cộng đồng	lượt						
5.2	Tổ chức nói chuyện chuyên đề, tọa đàm, sinh hoạt câu lạc bộ							
	Số buổi	buổi		20	46	60	60	
	Số lượt người tham gia	người	350	800	1657	1900	1900	
5.3	Số lượng Pano, áp phích được xây dựng	Chiếc						
6	Số lượng các hình thức truyền thông khác		15	32	67	56	60	
7	Số lượng người được tiếp cận các hình thức truyền thông, giáo dục, vận động xã hội	người	450	4278	6442	6950	6700	
II	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVTE, cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em							



8	Tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch về bảo vệ trẻ em cho cán bộ làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp							
8.1	Cán bộ cấp tỉnh							
	Số lớp	Lớp						
	Số lượt người tham gia	Người						
8.2	Cán bộ cấp huyện							
	Số lớp	Lớp	1	1	1	1	1	
	Số lượt người tham gia	Người	25	27	28	24	30	
9	Số lớp/số cán bộ cấp xã, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn, xóm, bản, làng, cụm dân cư được tập huấn về kỹ năng bảo vệ trẻ em							
	Số lớp	Lớp	4	7	9	10	10	
	Số lượt người tham gia	Người	120	198	242	245	250	
10	Số lớp/cha mẹ, người chăm sóc trẻ em được tập huấn, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp kỹ năng BVTE							
	Số lớp	lớp			1			
	Số lượt người được tập huấn/truyền thông	người			25			
11	Số lớp/số trẻ em được tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ							
	Số lớp	lớp		100	11	8	10	
	Số lượt trẻ em được tập huấn/truyền thông	người		4	275	187	250	
III	Xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ							
12	Củng cố nhân lực trong hệ thống							
12.1	Huyện/TX/TP có Quyết định thành lập Ban điều hành bảo vệ trẻ em cấp huyện	Có/không	có	có	có	có	có	

12.2	Huyện/TX/TP đã có Quyết định thành lập Nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em huyện	Có/không	không	không	không	không	không	
12.3	Số xã có quyết định thành lập Ban bảo vệ trẻ em cấp xã	Xã	22	22	22	22	21	
12.4	Số xã có mạng lưới cộng tác viên tham gia công tác BVCSTE ở thôn/ xóm/bản/làng/cụm dân cư	Xã	22	22	22	22	21	
12.5	Tổng số cộng tác viên thôn, bản	người	149	149	149	149	149	
12.6	Số xã có người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã	người	22	22	22	22	21	
13	Phát triển các loại hình/cơ sở CCDV bảo vệ trẻ em							
13.1	Số TTCTXH/TTCTXH TE cấp tỉnh	trung tâm						
	Số TTCTXH/TTCTXH TE được hỗ trợ cơ sở vật chất, duy trì hoạt động cung cấp kết nối BVBTE	trung tâm						
	Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất	nghìn đồng						
	Kinh phí hỗ trợ duy trì hoạt động cung cấp kết nối BVTE	nghìn đồng						
13.2	Số văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em/ cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện	văn phòng/cơ						
	Số văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em/ cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em cấp huyện được hỗ trợ cơ sở vật chất, hoạt động cung cấp	văn phòng/cơ						
	Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất	nghìn đồng						
	Kinh phí hỗ trợ duy trì hoạt động cung cấp DVBVTE	nghìn đồng						
13.3	Số điểm tư vấn cộng đồng	Điểm						
13.4	Số điểm tư vấn trường học	Điểm						
13.5	Số lượng cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em (gồm các loại hình: cơ sở công lập và cơ sở ngoài công lập) theo cấp quản lý tỉnh/huyện/xã	cơ sở						

13.6	Tổ chức tập huấn/bồi dưỡng kiến thức/kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ	Có/không						
	Số lớp tập huấn/bồi dưỡng	lớp						
	Số cán bộ làm việc trong Hệ thống cung cấp dịch vụ được tập huấn/bồi dưỡng	người						
14	Hỗ trợ/can thiệp cho trẻ em bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt							
14.1	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được tư vấn, tham vấn, trị liệu tại các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em	trẻ em						
14.2	Số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp các dịch vụ y tế, giáo dục, pháp lý, phúc lợi xã hội	trẻ em	74	270	306	316	320	
14.3	Số trẻ em được trợ giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân	trẻ em						
14.4	Số trẻ em được lập kế hoạch hỗ trợ, can thiệp (theo quy định tại Điều 52 Luật Trẻ em 2016 và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP)	trẻ em						
14.5	Số cha, mẹ được trợ giúp nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em	cha mẹ						
IV	Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có HCDB							
15	Mô hình kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế cho các đối tượng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ							
15.1	Số huyện triển khai mô hình	huyện				1	1	
15.2	Số xã triển khai mô hình	xã						
15.3	Kinh phí hỗ trợ	nghìn đồng				11700	11700	



16	Mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp CSSK, giáo dục, TGPL và DCXHCB được hỗ trợ							
16.1	Số huyện triển khai mô hình	huyện						
16.2	Số xã triển khai mô hình	xã						
16.3	Kinh phí hỗ trợ	nghìn đồng						
17	Mô hình chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt							
17.1	Số huyện triển khai mô hình	huyện						
17.2	Số xã triển khai mô hình	xã						
17.3	Kinh phí hỗ trợ	nghìn đồng						
V	Duy trì, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em							
18	Kinh phí duy trì, vận hành CSDL, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em	nghìn đồng			35580	72440	72440	
19	Số khóa/lớp tập huấn cho người thu thập và cập nhật thông tin lên phần mềm	Khóa			1	2	2	
20	Số lượt người được tập huấn thu thập thông tin, cập nhật thông tin	lượt			23	44	42	
21	Kinh phí tập huấn	nghìn đồng				20320	20320	

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Báo cáo số 24/BC-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện)

TT	Chỉ tiêu, mục tiêu	ĐVT	Kết quả thực hiện					Ghi chú
			Huyện					
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Ước kết quả năm 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	Tổng số trẻ em	trẻ em	31957	32532	32854	35402	37342	
	Nam	trẻ em	16210	16521	16794	17937	18920	
	Nữ	trẻ em	15747	16011	16060	17465	18422	
2	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt							
	Số lượng	trẻ em	74	270	306	316	320	
	Tỷ lệ so với tổng số trẻ em	%	0.23	0.83	0.93	0.89	0.86	
3	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi							
	Số lượng	trẻ em	74	270	306	316	320	
	Tỷ lệ so với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	%	100	100	100	100	100	
4	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc							
	Số lượng	trẻ em	74	270	306	316	320	
	Tỷ lệ so với tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	%	100	100	100	100	100	
5	Trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được quản lý và trợ giúp							
	Số lượng	trẻ em	5976	6112	6154	6170	7665	
	Tỷ lệ so với tổng số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt	%	18.70013	18.78766	18.73136	17.42839	20.526485	
6	Trẻ em bị xâm hại							



	Trẻ em bị xâm hại tình dục	trẻ em	1	1	0	0	0	
	Trẻ em bị bạo lực	trẻ em	0	0	0	0	0	
	Trẻ em bị mua bán	trẻ em	0	0	0	0	0	
	Trẻ em bị các hình thức xâm hại khác	trẻ em	0	0	0	0	0	
	Trẻ em được phát hiện bị xâm hại được lập kế hoạch can thiệp, trợ giúp	trẻ em	1	1	0	0	0	
7	Trẻ em có nguy cơ bị xâm hại (trẻ em có cha mẹ ly hôn, trẻ em khuyết tật, trẻ em tự kỷ, trẻ em trong các cơ sở nuôi dưỡng (cơ sở BTXH, cơ sở tôn giáo, trường giáo dưỡng, làng SOS)							
	Số lượng	trẻ em	0	0	0	0	0	
	Số trẻ em có nguy cơ bị xâm hại được hỗ trợ, can thiệp	trẻ em	0	0	0	0	0	
8	Tổng số cha, mẹ, người trực tiếp chăm sóc trẻ có kỹ năng cơ bản về bảo vệ trẻ em (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp)	người						
9	Tổng số cán bộ làm việc với trẻ em ở cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em có kỹ năng cơ bản về bảo vệ trẻ em (phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp).	người	0	0	0	0	0	
10	Tổng số trẻ em ở trường học có kỹ năng cơ bản tự bảo vệ bản thân trước các nguy cơ xâm hại, bạo lực.	trẻ em	0	0	0	0	0	
11	Tổng số trẻ em ở các cơ sở trợ giúp xã hội có kỹ năng cơ bản tự bảo vệ bản thân trước các nguy cơ xâm hại, bạo lực.	trẻ em	0	0	0	0	0	
12	Tổng số xã có Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em hoạt động	xã	22	22	22	22	21	
13	Tổng số huyện có Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em hoạt động	huyện	1	1	1	1	1	
14	Số trẻ em được hỗ trợ kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế	trẻ em	0	0	0	0	0	
15	Số trẻ em được nhận chăm sóc thay thế	trẻ em	0	0	0	0	0	

